

VOCABULARY REVISION (UNIT 1 AND 2)

READING AND WRITING 2 – MR. VIET

1. Tiết kiệm (adj): _____
2. Keo kiệt (adj): _____
3. Tò mò (adj): _____
4. Tọc mạch (adj): _____
5. Tình hữu nghị (n): _____
6. Phân biệt đối xử (v): _____
7. Tuân theo, làm theo + giới từ đi kèm (v): _____
8. Phần lớn, chủ yếu (adv): _____
9. Ban hành (v): _____
10. Khiếm khuyết (n): _____
11. Nhân viên văn phòng (n): _____
12. Giảm giá sâu: _____